

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản (sửa đổi, bổ sung năm 2024);

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-QLTTĐT; 23/QĐ-QLTTĐT; 24/QĐ-QLTTĐT; 25/QĐ-QLTTĐT ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp xin thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ người có tài sản đấu giá:

- Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp.
- Địa chỉ: Số 155, đường Phù Đổng, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Tên tài sản bán đấu giá:

Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu, gồm 12 lô tài sản, cụ thể như sau:

STT	Lô tài sản	Tổng trị giá tài sản (Đồng)
<i>Quyết định phê duyệt số 22/QĐ-QLTTĐT</i>		
1	Lô áo nữ	53.800.000
2	Lô giày nữ, dép nữ	11.600.000
3	Lô loa, kính cường lực điện thoại	28.850.000
4	Lô mắt kính, ổ khóa, thước kéo, đèn led, bản lề, đầu dao máy cắt cỏ	21.975.000
<i>Quyết định phê duyệt số 23/QĐ-QLTTĐT</i>		

5	Lô kính cường lực, điện thoại di động	9.150.000
6	Lô quần áo, giày, dép	43.425.000
7	Lô đèn pin, bản lề, mắt kính	23.640.000
8	Lô xe đạp điện	26.000.000
<i>Quyết định phê duyệt số 24/QĐ-QLTTĐT</i>		
9	Lô phụ tùng máy nổ	5.400.000
10	Lô phụ kiện điện thoại di động	11.250.000
<i>Quyết định phê duyệt số 25/QĐ-QLTTĐT</i>		
11	Lô quần áo may sẵn	19.425.000
12	Mắt kính	5.500.000

(Chi tiết đính kèm Phụ lục bảng kê tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu).

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá:

- Thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 3 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp (*Đính kèm Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản tại các Mục I, II, III, IV tại Phụ lục I*).

- Phân điểm cộng 08 điểm theo Mục V Phụ lục I Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, cụ thể như sau:

+ Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá: 02 điểm (tổ chức có số lượng cuộc đấu giá thành nhiều nhất là 02 điểm, tổ chức còn lại có số lượng cuộc đấu giá thành ít hơn sẽ đạt 01 điểm).

+ Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó: 02 điểm (tổ chức có số lượng hợp đồng dịch vụ đấu giá và tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng nhiều nhất là 02 điểm, tổ chức có số lượng hợp đồng dịch vụ đấu giá và tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng ít hơn sẽ đạt 01 điểm).

+ Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh: 04 điểm.

5. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ đăng ký:

- Thời gian nộp hồ sơ đăng ký: Kể từ ngày 18/02/2025 đến ngày 20/02/2025 (*Trong giờ hành chính: Sáng từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút*).

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký: Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: Số 155, đường Phù Đổng, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*** Lưu ý:**

- Các tổ chức đấu giá tài sản có thể nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ trên trong thời gian quy định.

- Không hoàn lại hồ sơ đối với đơn vị có hồ sơ không được lựa chọn.

- Tài sản được bán nguyên trạng, người được quyền mua tài sản tự chịu trách nhiệm hoàn thiện, bổ sung các thủ tục cần thiết theo quy định nếu đưa hàng hóa ra lưu thông trên thị trường.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký. /*Năm*

Nơi nhận:

- Cục trưởng (b/c);
- Công TTĐT Cục;
- Niêm yết tại trụ sở Cục;
- Công TTĐTQG về ĐGTS;
- Lưu: VT, NVTH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Huệ

TỈNH CÔNG AN
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP



Phụ lục

BẢNG KÊ TÀI SẢN LÀ TANG VẬT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BỊ TỊCH THU

(Kèm theo Thông báo số: 148 /TB-QLTTĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp)

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/ tịch thu		Hành vi vi phạm	Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày, tháng									
Quyết định phê duyệt số 22/QĐ-QLTTĐT												
1. Lô áo nữ						Tổng trị giá tài sản						53.800.000
1	Đội Quản lý thị trường số 1	49010116/QĐ-XPFC	11/11/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Áo thun nữ ngắn tay	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	100	80.000	8.000.000
					Áo thun nữ dài tay	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	30	100.000	3.000.000
2	Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp	49000103/QĐ-XPFC	22/11/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Áo len nữ	Nhãn hiệu AOK	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	80	150.000	12.000.000
						Nhãn hiệu WONDERSHOP	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	40	220.000	8.800.000
						Nhãn hiệu You Style	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	100	100.000	10.000.000
						Nhãn hiệu XYN	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	100	120.000	12.000.000
2. Lô giày dép nữ						Tổng trị giá tài sản						11.600.000
1	Đội Quản lý thị trường số 3	49030109/QĐ-XPFC	13/11/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Dép nữ	Nhãn hiệu BLTJ FASHION	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	10	300.000	3.000.000
					Dép nữ	Nhãn hiệu MIAO ZU LI	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	10	300.000	3.000.000
2	Đội Quản lý thị trường số 4	49040082/QĐ-XPFC	21/11/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Giày nữ	Nhãn hiệu Hong Kong	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	10	280.000	2.800.000
					Dép nữ	Nhãn hiệu HONG KONG	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	8	350.000	2.800.000



STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Hành vi vi phạm	Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày, tháng									
3. Lô loa, kính cường lực điện thoại di động						Tổng trị giá tài sản						28.850.000
1	Đội Quản lý thị trường số 1	49010118/QĐ-XPHC	20/11/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Loa	Nhãn hiệu S EVEREST, loại 4 tắc loa đôi	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	01	11.700.000	11.700.000
					Loa	Nhãn hiệu S EVEREST, loại 4 tắc loa đơn	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	02	5.700.000	11.400.000
2	Đội Quản lý thị trường số 1	49010120/QĐ-XPHC	21/11/2024	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Kính cường lực điện thoại	Nhãn hiệu HEYB!NGO	Trung Quốc	CQSD	Cái	40	50.000	2.000.000
					Kính cường lực điện thoại	Nhãn hiệu Tempered Class, loại 25 miếng/hộp	Trung Quốc	CQSD	Hộp	3	1.250.000	3.750.000
4. Lô mắt kính, ổ khóa, thước kéo, đèn led, bàn lè, đầu dao máy cắt cỏ						Tổng trị giá tài sản						21.975.000
1	Đội Quản lý thị trường số 3	49030108/QĐ-XPHC	06/11/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Kính mắt các loại	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	18	300.000	5.400.000
2	Đội Quản lý thị trường số 3	49030110/QĐ-XPHC	18/11/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Bàn lè cửa	nhãn hiệu: KIN LONG	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	30	50.000	1.500.000
					Bộ khóa cửa tay gạt	nhãn hiệu: KIN LONG	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	5	200.000	1.000.000
					Tay co thủy lực	nhãn hiệu: ZYENA	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	5	200.000	1.000.000
3	Đội Quản lý thị trường số 4	49040078/QĐ-XPHC	07/11/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Mắt kính	Không nhãn hiệu, loại tròn nhựa	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	10	160.000	1.600.000
					Mắt kính	Không nhãn hiệu, loại tròn nhựa	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	10	180.000	1.800.000
4	Đội Quản lý thị trường số 2	49020067/QĐ-XPHC	15/11/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Ổ khóa cửa phòng	S.LEO	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	10	250.000	2.500.000
					Thước kéo cuộn	LIWIN	Không rõ NGXX	CQSD	Cuộn	5	150.000	750.000

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/ tịch thu		Hành vi vi phạm	Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày, tháng									
					Bộ đèn led 24V	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	5	85.000	425.000
5	Đội Quản lý thị trường số 1	49010121/QĐ-XPHC	21/11/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Đầu dao máy cắt cô	Nhãn hiệu YINGKE	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	40	150.000	6.000.000
Quyết định phê duyệt số 23/QĐ-QLTTĐT												
5. Lô kính cường lực, điện thoại di động						Tổng trị giá tài sản						9.150.000
1	Đội Quản lý thị trường số 1	49010123/QĐ-XPHC	26/11/2024	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Kính cường lực điện thoại di động	SUPER GLASS, loại 10 miếng/hộp	Trung Quốc	CQSD	Hộp	20	300.000	6.000.000
2	Đội Quản lý thị trường số 1	49010127/QĐ-XPHC	03/12/2024	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Kính cường lực điện thoại di động	Nhãn hiệu OG Glass, loại 10 miếng/hộp	Trung Quốc	CQSD	Hộp	7	450.000	3.150.000
6. Lô quần áo, giày, dép						Tổng trị giá tài sản						43.425.000
1	Đội Quản lý thị trường số 1	49010124/QĐ-XPHC	26/11/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Quần dài nam	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	15	395.000	5.925.000
2	Đội Quản lý thị trường số 1	49010128/QĐ-XPHC	10/12/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Quần jean nữ	Nhãn hiệu New Fashion New Style	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	15	320.000	4.800.000
					Quần jean nữ	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	5	320.000	1.600.000
3	Đội Quản lý thị trường số 1	49010131/QĐ-XPHC	12/12/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Quần jean nam	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	15	400.000	6.000.000
4	Đội Quản lý thị trường số 3	49030111/QĐ-XPHC	20/11/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Áo sơ mai nam tay dài	Nhãn hiệu: LUKASI	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	8	320.000	2.560.000
					Áo thu nam tay ngắn	Nhãn hiệu: Sky	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	4	250.000	1.000.000

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/ tịch thu		Hành vi vi phạm	Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày, tháng									
5	Đội Quản lý thị trường số 3	49030113/QĐ- XPHC	26/11/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Giày nữ	Nhãn hiệu CC&OO	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	12	250.000	3.000.000
					Giày cao gót nữ	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	3	250.000	750.000
					Dép	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	3	250.000	750.000
					Dép nữ	Nhãn hiệu SHLL	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	5	250.000	1.250.000
6	Đội Quản lý thị trường số 4	49040084/QĐ- XPHC	29/11/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Dép	Nhãn hiệu HONG KONG	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	23	230.000	5.290.000
7	Đội Quản lý thị trường số 4	49040086/QĐ- XPHC	04/12/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Dép nữ	Nhãn hiệu kkDo	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	70	150.000	10.500.000
7. Lô đèn pin, bản lề, mắt kính						Tổng trị giá tài sản						23.640.000
1	Đội Quản lý thị trường số 1	49010129/QĐ- XPHC	12/12/2024	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Đèn pin	Nhãn hiệu Yên Quân mã YQ-628	Trung Quốc	CQSD	Cái	9	200.000	1.800.000
					Đèn pin	Nhãn hiệu Yên Quân mã YQ-A16	Trung Quốc	CQSD	Cái	9	200.000	1.800.000
2	Đội Quản lý thị trường số 1	49010130/QĐ- XPHC	12/12/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Bản lề	Nhãn hiệu SUPERIOR STAINLESS STEEL HINGES	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	140	40.000	5.600.000
3	Đội Quản lý thị trường số 4	49030081/QĐ- XPHC	13/11/2025	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Mắt kính	Nhãn hiệu TR90	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	50	85.000	4.250.000
4	Đội Quản lý thị trường số 4	49040085/QĐ- XPHC	02/12/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Mắt kính	Nhãn hiệu LY honey, loại trong nhựa	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	8	480.000	3.840.000
					Mắt kính	Không nhãn hiệu, loại trong nhựa	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	13	150.000	1.950.000
					Mắt kính	Không nhãn hiệu, loại trong nhựa	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	10	170.000	1.700.000

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Hành vi vi phạm	Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày, tháng									
					Mắt kính	Không nhãn hiệu, loại trong nhựa	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	15	180.000	2.700.000
8. Lô xe đạp điện						Tổng trị giá tài sản						26.000.000
1	Đội Quản lý thị trường số 4	49040087/QĐ-XPHC	06/12/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Xe đạp điện	Nhãn hiệu GICINU, số khung: không có, số máy: không có	Không rõ NGXX	CQSD	Chiếc	2	5.500.000	11.000.000
						Nhãn hiệu TT FAIR, số khung: không có, số máy: không có	Không rõ NGXX	CQSD	Chiếc	3	5.000.000	15.000.000
Quyết định phê duyệt số 24/QĐ-QLTTĐT												
9. Lô phụ tùng máy nổ						Tổng trị giá tài sản						5.400.000
1	Đội Quản lý thị trường số 3	49030115/QĐ-XPHC	28/11/2024	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Piston	Nhãn hiệu NIKO	China	Chưa qua sử dụng	Cái	10	200.000	2.000.000
					Cò mổ động cơ máy nổ	Nhãn hiệu ROCKER ARM ASSY	China	Chưa qua sử dụng	Cái	20	170.000	3.400.000
10. Lô phụ kiện điện thoại di động						Tổng trị giá tài sản						11.250.000
					Tai nghe không dây	Không nhãn hiệu. Mã sản phẩm: BQ 20.	China	Chưa qua sử dụng	Cái	1	350.000	350.000
					Tai nghe không dây	Không nhãn hiệu. Mã sản phẩm: F9.	China	Chưa qua sử dụng	Cái	2	350.000	700.000
					Tai nghe không dây	Nhãn hiệu: TWS. Mã sản phẩm: Không có.	China	Chưa qua sử dụng	Cái	4	350.000	1.400.000



STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/ tịch thu		Hành vi vi phạm	Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày, tháng									
1	Đội Quản lý thị trường số 3	49030118/QĐ-XPHC	13/12/2024	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Tai nghe không dây	Không nhãn hiệu. Mã sản phẩm: S20.	China	Chưa qua sử dụng	Cái	5	350.000	1.750.000
					Tai nghe không dây	Không nhãn hiệu. Mã sản phẩm: M10.	China	Chưa qua sử dụng	Cái	1	350.000	350.000
					Tai nghe không dây	Không nhãn hiệu. Mã sản phẩm: Không có.	China	Chưa qua sử dụng	Cái	2	350.000	700.000
2	Đội Quản lý thị trường số 3	49030119/QĐ-XPHC	16/12/2024	Kinh doanh hàng hóa nhập lậu	Kính cường lực điện thoại di động	Nhãn hiệu: KASL, loại trong	China	Chưa qua sử dụng	Cái	20	300.000	6.000.000

Quyết định phê duyệt số 25/QĐ-QLTTĐT

10. Lô quần áo may sẵn

Tổng trị giá tài sản

19.425.000

1	Đội QLTT số 1	49010132/QĐ-XPHC	25/12/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Quần jean nữ	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	15	380.000	5.700.000
2	Đội Quản lý thị trường số 3	49030120/QĐ-XPHC	16/12/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Quần thu dài nam	Loại màu xanh đen, không nhãn hiệu,	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	40	110.000	4.400.000
					Quần thun dài nam	Loại màu xanh đen, không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	30	90.000	2.700.000
					Quần thun ngắn nam	Loại màu đen, không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	45	75.000	3.375.000
3	Đội Quản lý thị trường số 3	49030121/QĐ-XPHC	26/12/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Quần Jean nam	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	5	200.000	1.000.000
					Quần vải nam	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	15	150.000	2.250.000

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/ tịch thu		Hành vi vi phạm	Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày, tháng									
11. Lô mắt kính						Tổng trị giá tài sản						5.500.000
1	Đội Quản lý thị trường số 3	49030122/QĐ- XPHC	30/12/2024	Kính doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Mắt kính	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	22	250.000	5.500.000

Ghi chú:

NGXX: Nguồn gốc, xuất xứ

CQSD: Chưa qua sử dụng



Phụ lục I
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ
ĐẤU GIÁ TÀI SẢN¹

(Kèm theo Thông báo số *AHK...*/TB-QLTTĐT ngày *...* tháng 02 năm 2025 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0



¹ Phụ lục I Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùn giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0

2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)	7,0

S.N.V
 3
 TRƯỞNG
 3 THÁNG
 LÝ THUYẾT

	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách	5,0

	<p>Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</p>	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	<p>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)</p>	8,0
1.	<p>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có) 	3,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0
4.	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	3,0
Tổng số điểm		100

